

Số: **3914** /SGTVT-KHTC

Hà Nội, ngày **3** tháng 8 năm 2020

V/v: thẩm định phương án tự chủ tài chính giai đoạn năm 2020-2022 của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội trong giai đoạn cổ phần hóa.

Kính gửi : Sở Tài chính thành phố Hà Nội.

Căn cứ Thông tư số 145/2017/ TT - BTC ngày 29/12/2017 hướng dẫn thực hiện ND số 141/2016/ND-CP ngày 10/10/2016 của chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Căn cứ Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 06/10/2008 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập lại Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội trực thuộc Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.

Căn cứ Quyết định số 292/QĐ-GTVT ngày 23/03/2009 của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới.

Căn cứ tình hình thực tế hoạt động của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội xây dựng phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2020-2022 và đề xuất xây dựng phương án tự chủ giai đoạn 2020-2022 tại văn bản số 62/TT-ĐKCG ngày 10/6/2020, cụ thể như sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của giai đoạn 2018-2020

1. Đánh giá chung:

Căn cứ Quyết định số 33/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội;

- Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới đường bộ Hà Nội (là đơn vị sự nghiệp có thu tự chủ toàn bộ kinh phí hoạt động, Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội được UBND Thành phố Hà Nội thành lập tại Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 6/10/2008 và Sở Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức tại Quyết định số 292/QĐ-SGTVT ngày 23/3/2009. Đơn vị đang thực hiện cổ phần hóa theo văn bản số 1023/TTg-ĐMDN ngày 13/07/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội thành Công ty cổ phần).

2. Đánh giá cụ thể:

2.1. Nhiệm vụ

- Tổ chức thực hiện kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường các phương tiện xe cơ giới đường bộ theo đúng quy trình, tiêu chuẩn quy định của Bộ GTVT và Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành;

- Cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho các phương tiện xe cơ giới qua kiểm định đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quy định.

- Tham gia giám định trạng thái kỹ thuật xe cơ giới trong trường hợp tai nạn giao thông có liên quan đến công tác kiểm định và tình trạng kỹ thuật phương tiện theo yêu cầu của cơ quan luật pháp, của các cơ quan có nhu cầu đánh giá chất lượng thực tế của phương tiện;

- Tham mưu đề xuất với Sở GTVT về quy hoạch, xây dựng mạng lưới các Trạm Đăng kiểm xe cơ giới trên địa bàn thành phố;

- Sử dụng, bảo quản, sửa chữa thiết bị kiểm định theo quy định của cơ quan quản lý chuyên ngành;

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức cho đội ngũ viên chức tham gia học tập bồi dưỡng nghiệp vụ theo quy định tiêu chuẩn chuyên ngành của Cục Đăng kiểm Việt Nam đối với từng vị trí công tác.

- Quản lý tài chính và tài sản được giao, tổ chức thu các loại phí, lệ phí theo quy định của pháp luật. Quản lý cán bộ, viên chức của Trung tâm theo quy định hiện hành và phân cấp quản lý cán bộ của của Thành phố, của Nhà nước.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi Giám đốc Sở Giao thông vận tải Hà Nội giao.

2.2. Tổ chức bộ máy của Trung tâm

+ Ban Giám Đốc : 02 người (Giám Đốc và 01 Phó Giám Đốc)

- Các phòng nghiệp vụ, Đội kiểm định giúp việc cho Giám đốc gồm :

+ Phòng kế toán tài vụ

+ Phòng tổ chức Hành Chính

+ Đội Kiểm định I và II

* Chất lượng đội ngũ CBCCVC của Trung tâm.

- Tổng số CBCCVC và người lao động hợp đồng có: 37 người

Trong đó: + Nam: 25 người

+ Nữ : 12 người

- Trữ độ chuyển mụn nghiệp vụ:

+ Cao học: 3/37 người = 8,33%

- + Đại học: 25/37 người = 66,66%
- + Trung cấp: 3/37 người = 8,33%
- + Tốt nghiệp PTTH: 6/37 người = 16,66%
- Trình độ Cao học, Đại học chuyên ngành cơ khí ô tô có: 15 người
- Trình độ lý luận chính trị:
- + Trung cấp lý luận chính trị có: 06 người

2.3. Cơ sở vật chất: Trung tâm có 02 cơ sở

2.3.1. Cơ sở nhà, đất tại Hà Đông có tổng diện tích là 16.212,4m². Trong đó:

- Diện tích đất đang sử dụng là: 8.383m² bao gồm:

- + 01 Nhà văn phòng (02 tầng) 202m² x 2 = 404m² ;

- + 01 nhà xưởng kiểm định 945m² ,

- + 01 nhà bảo vệ 11m²

- + 01 nhà kiểm tra khí xả 11m²

- + 01 nhà bếp ăn 70m²

- + 01 nhà để xe 90m²

- + Sân bãi đỗ xe đường lưu thông nội bộ 7.054m² .

- Diện tích đất còn lại 7.829m² Trung tâm chưa sử dụng.

- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. Trung tâm thực hiện trả tiền thuê đất theo Thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của Chi cục thuế Hà Đông.

2.3.2. Cơ sở nhà, đất tại phường Quang Trung-TX Sơn Tây-Hà Nội có tổng diện tích 3.049m² , trong đó:

- 2548m² đất được giao theo Quyết định số 759/QĐ-UB ngày 17/10/1996 của UBND tỉnh Hà Tây

- 671m² đất được giao theo Quyết định số 2228/QĐ-UBND ngày 09/5/2016 của UBND Thành phố Hà Nội. Trung tâm được giao sử dụng 501m² đất, còn 170m² đất Trung tâm đã bàn giao lại cho chính quyền địa phương quản lý (có Biên bản bàn giao đất).

Diện tích đất trên hiện được Trung tâm sử dụng cho mục đích kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới đường bộ. Trong đó:

- 01 nhà văn phòng làm việc: 117m² x 2 tầng = 234m²

- 01 nhà xưởng kiểm định: 487 m²

- 01 nhà kiểm tra khí xả: 10m²

- Sân bãi đỗ xe, đường lưu thông nội bộ: 2.435m²

Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất. Trung tâm không phải nộp tiền sử dụng đất.

II/ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2018 -2020.

1. Thực hiện chức năng nhiệm vụ giai đoạn 2018 -2020.

a/ Thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn.

Thời gian qua được sự quan tâm, chỉ đạo của Sở Giao thông vận tải trung tâm đã làm tốt chức năng, nhiệm vụ của mình. Trong 3 năm, Trung tâm luôn hoàn thành nhiệm vụ được Sở Giao thông vận tải Hà Nội giao, Trung tâm chủ động tổ chức thực hiện theo các quy định hiện hành, Sử dụng nguồn thu sự nghiệp đúng mục đích.

b/ Về công tác tài chính.

Hiện nay các nguồn thu sự nghiệp của Trung tâm như sau:

- Các khoản phí, lệ phí :

+ Thu phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện: Thu theo thông tư 293/2016/TT-BTC Ngày 15/11/2016 của Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng đường bộ.

+ Thu giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới đang lưu hành : Thu theo Thông tư 238/2016/TT-BTC ngày 01/11/2016 về quy định mức giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành : đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

+ Thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đảm bảo chất lượng, an toàn kỹ thuật : Thu theo Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

+ Thu dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật về chất lượng xe cơ giới xe máy chuyên dùng trong cải tạo. Thu phí kiểm định mang tính giám định kỹ thuật đánh giá chất lượng theo Thông tư 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 về quy định mức giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành : đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

- Các khoản thu khác : Thu hoa hồng bảo hiểm, thu tiền lãi tiền gửi....

2. Kết quả thực hiện :

Đơn vị tính : triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
-----	----------	----------	----------	----------

1	Thu sự nghiệp	125.964	133.843	128.002
2	Chi sự nghiệp	5.565	5.880	6.132
3	Nộp NSNN	111.862	118.620	113.078
4	Phân phối kết quả (trích lập Quỹ)	3.897	4.664	3.888

• **Kết quả trích lập, chi từ Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp**

Đơn vị tính : triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Trích lập	974	2.136	1.210
2	Sử dụng	3.327 (Dư 2016 chuyển sang : 5.388)	79.308	70.647 (Dư sang năm 2020 :10.991)

3 . Đánh giá chung.

Từ khi thành lập đơn vị cho đến nay, Trung tâm luôn hoàn thành các nhiệm vụ được Sở Giao thông vận tải Hà Nội giao. Thực hiện tốt công tác quản lý và kiểm định kỹ thuật, cấp phép lưu hành cho các phương tiện tham gia giao thông theo quy định hiện hành của Nhà nước. Trung tâm chủ động tổ chức thực hiện theo các quy định hiện hành, sử dụng nguồn thu sự nghiệp đúng mục đích.

a/ Thuận lợi:

+ Thuận lợi:

Trung tâm được sự chỉ đạo thường xuyên, trực tiếp của Sở GTVT về các mặt công tác, được sự chỉ đạo về nghiệp vụ chuyên môn của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Đội ngũ cán bộ, lãnh đạo, nhân viên nghiệp vụ đã có nhiều kinh nghiệm thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Cán bộ CNVC trong Trung tâm đoàn kết, thống nhất trong công việc.

Do có tăng trưởng hàng năm nên đơn vị trích lập các Quỹ theo quy định, trong đó có Quỹ đầu tư phát triển dư sang năm 2020 : 10.991 triệu đồng).

+ Khó khăn:

Do Trung tâm làm việc ở Sơn Tây nên các cuộc họp phải triển khai ngoài giờ. Đơn vị được giao tự chủ tài chính phải trả tiền lương cho cán bộ, viên chức

theo hệ số lương ngạch, chức vụ thay vì dựa trên năng lực, hiệu quả công tác, do đó chưa khuyến khích được sự sáng tạo, các nhân tố tích cực trong đơn vị.

Là đơn vị sự nghiệp công lập đang trong giai đoạn chuyển đổi cơ cấu phân hóa từ năm 2018 đến nay chưa hoàn tất nên tâm tư của một số cán bộ còn dao động.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM GIAI ĐOẠN 2020-2022

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được UBND Thành phố và Sở giao thông vận tải Hà Nội giao.

- Kiện toàn khung năng lực của Trung tâm, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức, nâng cao trình độ chuyên môn chuẩn hóa đội ngũ viên chức theo vị trí nhiệm vụ được giao trong thời kỳ mới. Hoàn thiện cơ sở vật chất đảm bảo môi trường làm việc thuận lợi cho cán bộ, nhân viên và khách hàng đến giao dịch.

- Mở rộng khai thác các dịch vụ liên quan đến lĩnh vực đăng kiểm để tăng nguồn thu, đảm bảo đời sống cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Trung tâm.

- Hoàn thành tốt các chỉ tiêu và nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

- Đảm bảo tăng trưởng, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng thu hút khách hàng đến giao dịch tạo nguồn thu cho đơn vị để nâng cao thu nhập cho cán bộ công chức thông qua thu nhập tăng thêm, phục lợi xã hội và bổ sung Quỹ đầu tư phát triển để tạo nguồn sửa chữa thay thế đầu tư máy móc thiết bị và phương tiện làm việc để nâng cao năng suất lao động.

IV. KIẾN NGHỊ. ĐỀ XUẤT :

Thực hiện Thông tư số 145/2017/ TT - BTC ngày 29/12/2017 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác; Trong khi Sở Giao thông vận tải và Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới đang thực hiện các chỉ đạo của Ban Cổ phần hóa Doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Trung tâm, Sở Giao thông vận tải đề nghị Sở Tài chính thẩm định phương án tự chủ tài chính giai đoạn năm 2020-2022 của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội trong giai đoạn cổ phần hóa là đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư theo Điều 22- Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ. *hms*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND Thành phố Hà Nội;
- Trung tâm ĐKXCG HN;
- Các phòng NV Sở: KHTC, VPS.
- Lưu: VT, KHTC



Vũ Văn Viện

Biểu báo cáo 01 kèm theo Phụ lục số 3

**BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
KINH TẾ, SỰ NGHIỆP KHÁC
NĂM 2017-2019**

Đơn vị: Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ba năm trước liền kề				Dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định phân loại (năm 2020)
		TH năm 2017	TH năm 2018	Năm trước liền kề		
				Dự toán 2019	TH 2019	
A	Nguồn thu, chi thường xuyên					
I	Nguồn thu	125.964,916	133.843,807	128.002,574	128.002,574	128.002,574
1	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác					
2	Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí					
3	Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí, trong đó:					
a	Nguồn thu từ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí					
b	NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá dịch vụ sự nghiệp công					
4	NSNN cấp chi thường xuyên bộ máy trên cơ sở số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán theo quyết định của cấp có thẩm quyền (đối với đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên)					
5	Nguồn thu phí theo Luật phí và lệ phí (Phần được để lại chi thường xuyên theo quy định)	112.725,674	119.557,222	113.999,931	113.999,931	113.999,931
6	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên, do nguồn thu phí theo Luật phí và lệ phí để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ công, dịch vụ khác)					
7	Nguồn thu từ hoạt động khác (nếu có)	13.239,242	14.286,585	14.002,643	14.002,643	14.002,643

Kus

8	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có)					
II	Chi thường xuyên (=II.1 =II.2 =II.3)	122.067,024	129.178,824	124.114,406	124.114,406	124.114,406
II.1	Chi thường xuyên theo nội dung chi, gồm:	4.638,846	4.677,277	4.902,673	4.902,673	4.902,673
1	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	3.086,564	3.026,592	3.281,589	3.281,589	3.281,589
2	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp công					
3	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí					
4	Trích khấu hao tài sản cố định	1.552,282	1.650,685	1.621,084	1.621,084	1.621,084
5	Chi quản lý					
6	Chi thường xuyên khác					
7	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có) tại điểm 8 mục I nêu trên					
II.2	Chi thường xuyên theo các nguồn thu:	5.565,562	5.880,873	6.132,827	6.132,827	6.132,827
1	Chi từ nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác					
2	Chi từ nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí					
3	Chi từ nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí					
4	Chi từ nguồn NSNN cấp chi thường xuyên cho đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên					
5	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí (phần để lại chi thường xuyên)	5.132,816	5.333,269	5.529,053	5.529,053	5.529,053
6	Chi NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có					

hus

	nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)					
7	Chi hoạt động khác (nếu có)	432,746	547,604	603,774	603,774	603,774
8	Chi hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước giao nhiệm vụ (trong trường hợp chưa có danh mục, định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá được cơ quan có thẩm quyền ban hành)					
II.3	Nộp NSNN	111.862,616	118.620,674	113.078,906	113.078,906	113.078,906
III	Phân phối kết quả tài chính trong năm (chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ: I-II)	3.897,892	4.664,983	3.888,168	3.888,168	3.888,168
	(Không bao gồm chênh lệch thu, chi nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công tại số thứ tự 8 mục I, II nêu trên, chi theo thực tế như nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên)					
1	Trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	974,473	2.136,521	1.210,745	1.210,745	1.210,745
2	Trích lập quỹ bổ sung thu nhập	1.930,589	1.901,605	2.020,649	2.020,649	2.020,649
3	Trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi	943,189	547,900	612,000	612,000	612,000
4	Trích lập quỹ khác (nếu có)	49,641	78,957	44,774	44,774	44,774
B	Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên					
	(Chi tiết theo từng nguồn kinh phí)					

Ghi chú: Biểu báo cáo nêu trên nội dung nào có số liệu mới phải báo cáo; năm đầu thời kỳ ổn định phân loại nếu chưa dự kiến được trích lập các quỹ thì không phải báo cáo.

hus